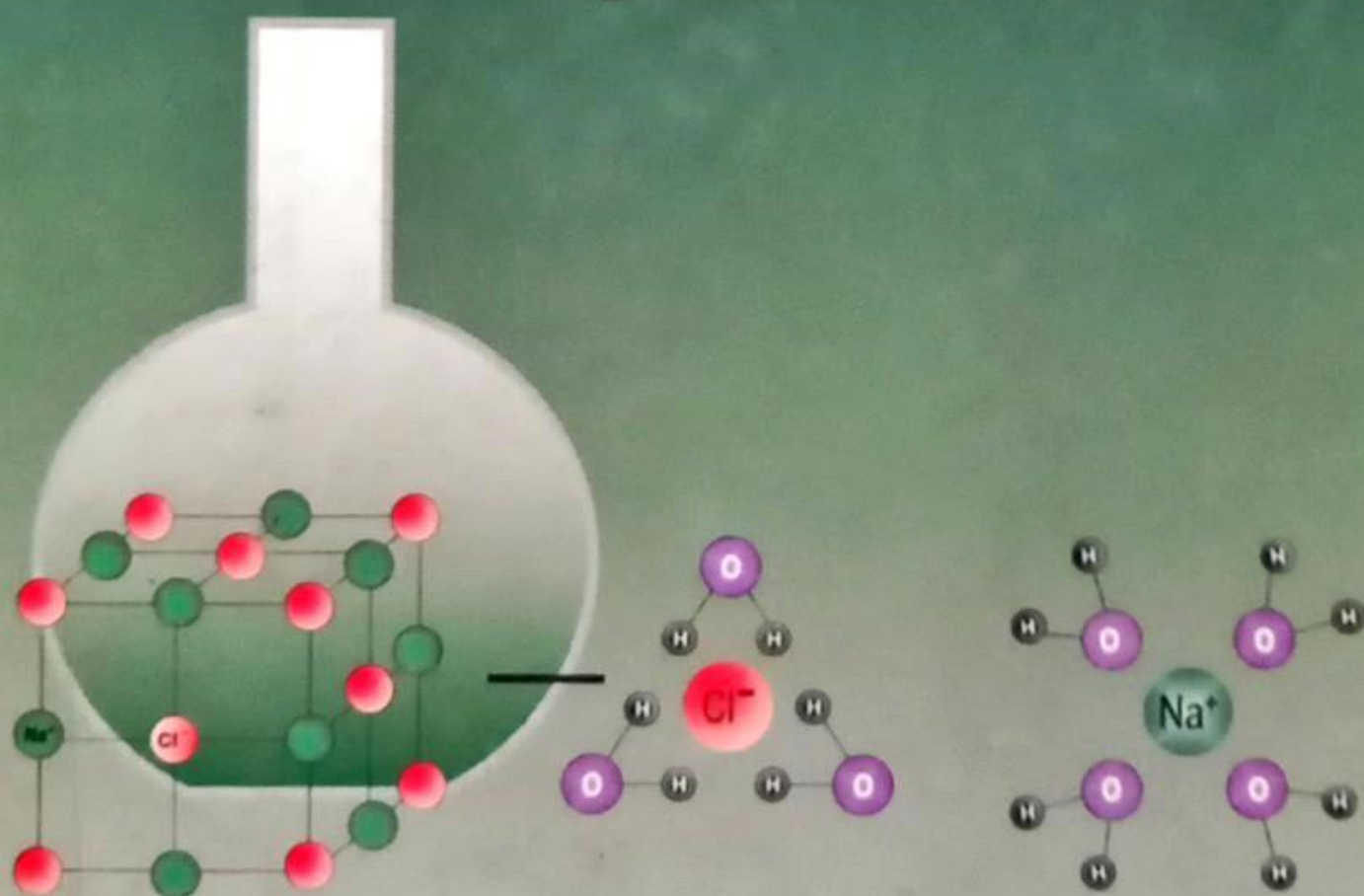


A.T.Pilipenko  
V.Ia.Pochinoc  
I.P.Xereda  
Ph.D.Sepchenko

# SỔ TAY HÓA HỌC SƠ CẤP



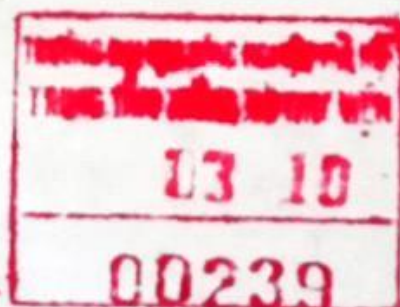
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

A.T. Pilipenko  
V.Ia. Pochinoc  
I.P.Xereda  
Ph.Đ.Sepchenko

# Sổ tay HÓA HỌC SƠ CẤP

Người dịch : LÊ CHÍ KIÊN  
Dịch từ bản tiếng Nga

(Tái bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

# SỔ TAY HÓA HỌC SƠ CẤP

Do viện sĩ A.T. Pilipenko chủ biên

Cuốn sổ tay này trình bày cơ sở hóa học đại cương, vô cơ, hữu cơ với khối lượng nhiều hơn chút ít so với chương trình phổ thông trung học. Trong mỗi phần đều có những ví dụ giải bài toán mẫu và những bài toán tự giải. Cuốn sổ tay này còn đưa ra những bài toán được sưu tầm trong những kì thi tuyển vào trường đại học Tổng hợp Kiev mang tên T.G. Septrenko trong những thời gian khác nhau.

Cuốn sổ tay này giúp ích cho các bạn giáo viên, học sinh của những lớp trên, cũng như cho các bạn chuẩn bị thi vào các trường đại học và cao đẳng.

Người dịch : LÊ CHÍ KIẾN

Biên tập : NGUYỄN VĂN THOẠI

Ha Bлoтнaмckoм зeмкo

Bản dịch tiếng Việt

Nhà xuất bản "Mir"

## LỜI TỰA

Cuốn sổ tay này dành cho những người đã học hóa học, vì vậy trong sách có một số vấn đề được bỏ qua. Cũng vì lí do đó nên các tác giả trình bày không theo trình tự của chương trình học ở trường phổ thông. Khối lượng kiến thức cũng được mở rộng hơn so với chương trình hóa học phổ thông trung học.

Ngoài những định luật chung của hóa học, cuốn sách còn trình bày khá đầy đủ những kiến thức thực tế để việc nghiên cứu hóa học góp phần hình thành thế giới quan duy vật biện chứng. Hướng chú ý là vào sự bảo vệ thiên nhiên, đặc biệt là nguồn nước và những vấn đề có tính cấp bách nhất. Cuốn sách đưa ra những khái niệm về bản chất electron của liên kết nguyên tử trong các phân tử hữu cơ, hóa học lập thể của các hệ vòng, khái niệm về dạng enol và xeton của các xeton, sự ngưng tụ andol của andehit và xeton, sự polime hóa của andehit và những vấn đề khác của hóa hữu cơ.

Ở cuối mỗi chương đều có những ví dụ giải bài tập mẫu, những bài tập tự giải, cũng như những kiến thức cần được củng cố. Đa số những bài tập này là để thi vào trường Đại học Tổng hợp Kiev những năm gần đây.

Ph.D. Septrenko viết các chương I - V, A.T. Pilipenko viết chương VI, I.P. Xereda viết các chương VII - XV, V.Ia. Potrinoc viết các chương XVI - XX.

Các tác giả sẽ rất cảm ơn về những nhận xét và yêu cầu của bạn đọc.

**CÁC TÁC GIẢ.**

## LỜI NGƯỜI DỊCH

Những cuốn sổ tay hóa học mà chúng ta thường dùng bao gồm những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khác nhau của hóa học và được trình bày chủ yếu dưới dạng các bảng số liệu. Cuốn "Sổ tay hóa học sơ cấp" này không hoàn toàn mang tính chất như vậy. Có thể nói đây là cuốn sách giáo khoa bao gồm những kiến thức cơ sở về hóa đại cương, hóa vô cơ và hóa hữu cơ, được biên soạn rất đầy đủ, ngắn gọn và dễ hiểu dưới sự chỉ đạo của viện sĩ Pilipenko (A.T. Пилипенко).

Ở Liên xô, cuốn sổ tay này được dùng làm sách giáo khoa cho học sinh chuẩn bị thi vào các trường đại học và cao đẳng. Nhưng xét theo nội dung thì ở nước ta cuốn sách này có thể giúp ích không những cho học sinh phổ thông, mà còn cho học sinh học các môn hóa đại cương, hóa vô cơ và hóa hữu cơ ở những năm đầu của các trường đại học và cao đẳng. Ngoài ra, cuốn sách này còn có thể giúp ích cho các bạn giáo viên hóa học phổ thông, trung học chuyên nghiệp và những người muốn củng cố kiến thức cơ sở hóa học một cách hệ thống.

Ưu điểm nổi bật của cuốn sách là ở mỗi chương các tác giả đưa thêm những bài toán mẫu có lời giải, câu hỏi kiểm tra và bài toán tự giải. Đa số những bài toán này là để thi vào trường đại học Tổng hợp Kiev mà các tác giả sưu tầm được.

Chắc chắn trong bản dịch của chúng tôi không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn bạn đọc góp ý kiến phê bình xây dựng cho bản dịch cuốn sách này.

## MỤC LỤC

|                | Trang |
|----------------|-------|
| Lời tựa        | 5     |
| Lời người dịch | 6     |

### Phần I. HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

#### Chương I. Những khái niệm và định luật cơ bản của hóa học

|                                                |    |
|------------------------------------------------|----|
| §1. Thuyết nguyên tử - phân tử                 | 9  |
| §2. Định luật bảo toàn khối lượng của các chất | 13 |
| §3. Định luật thành phần không đổi             | 15 |
| §4. Định luật đương lượng                      | 16 |
| §5. Định luật tỉ lệ bội                        | 20 |
| §6. Định luật Avogadro                         | 22 |
| §7. Những khái niệm hóa học cơ bản             | 22 |
| §8. Khối lượng nguyên tử. Khối lượng phân tử   | 24 |
| §9. Xác định khối lượng phân tử                | 28 |
| §10. Công thức hóa học                         | 32 |
| §11. Phương trình hóa học                      | 35 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu              | 37 |
| Những bài toán tự giải                         | 50 |

**Chương II. Cấu trúc nguyên tử và định luật tuần hoàn D. I. Mendeleev**

|                                                             |     |
|-------------------------------------------------------------|-----|
| §12. Tính phức tạp của cấu trúc nguyên tử                   | 61  |
| §13. Mô hình hành tinh nguyên tử theo Rơzơfo                | 65  |
| §14. Cấu trúc nguyên tử theo Bo                             | 68  |
| §15. Những quan điểm hiện đại về cấu trúc nguyên tử         | 71  |
| §16. Hình dạng các đám mây electron                         | 73  |
| §17. Cấu trúc vỏ electron của nguyên tử nhiều electron      | 77  |
| §18. Định luật tuần hoàn D.I. Mendeleev                     | 82  |
| §19. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố D.I. Mendeleev        | 87  |
| §20. Cấu trúc nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố | 91  |
| §21. Cấu trúc nguyên tử và định luật tuần hoàn.             | 109 |
| §22. Ý nghĩa của định luật tuần hoàn                        | 114 |
| §23. Hạt nhân nguyên tử                                     | 116 |
| §24. Chất đồng vị                                           | 118 |
| §25. Sự chuyển hóa nhân tạo các nguyên tố                   | 121 |
| §26. Năng lượng hạt nhân nguyên tử                          | 124 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu                           | 126 |
| Câu hỏi kiểm tra và những bài toán tự giải                  | 127 |

**Chương III. Liên kết hóa học và cấu trúc phân tử**

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| §27. Liên kết ion                              | 131 |
| §28. Liên kết cộng hóa trị                     | 134 |
| §29. Sự hình thành cặp electron chung          | 136 |
| §30. Tính định hướng của liên kết cộng hóa trị | 143 |
| §31. Phân tử có cực                            | 147 |
| §32. Liên kết phối trí và liên kết hiđro       | 150 |

|                              |     |
|------------------------------|-----|
| §33. Các trạng thái của chất | 154 |
| §34. Mạng tinh thể           | 156 |

#### **Chương IV. Phản ứng hóa học**

|                                                    |     |
|----------------------------------------------------|-----|
| §35. Các kiểu phản ứng hóa học                     | 157 |
| §36. Hiệu ứng nhiệt của phản ứng hóa học           | 159 |
| §37. Tốc độ phản ứng hóa học                       | 163 |
| §38. Xúc tác                                       | 167 |
| §39. Cân bằng hóa học                              | 169 |
| §40. Sự chuyển dịch cân bằng. Nguyên lí Lơ-Satơlie | 172 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu                  | 175 |
| Những bài toán tự giải                             | 177 |

#### **Chương V. Các loại hợp chất vô cơ**

|                                      |     |
|--------------------------------------|-----|
| §41. Oxit                            | 180 |
| §42. Bazơ (hidroxit)                 | 186 |
| §43. Axit                            | 187 |
| §44. Hidroxit lưỡng tính             | 190 |
| §45. Muối                            | 192 |
| §46. Phức chất                       | 199 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu    | 204 |
| Câu hỏi kiểm tra và bài toán tự giải | 209 |

#### **Chương VI. Dung dịch.**

|                      |     |
|----------------------|-----|
| §47. Nước            | 213 |
| §48. Các hệ phân tán | 222 |
| §49. Dung dịch thực  | 223 |

|                                                                |     |
|----------------------------------------------------------------|-----|
| §50. Độ tan của các chất                                       | 225 |
| §51. Cách biểu diễn nồng độ của dung dịch                      | 227 |
| §52. Độ cứng của nước và phương pháp loại trừ nó               | 233 |
| §53. Thuyết điện li                                            | 237 |
| §54. Độ điện li - Hằng số điện li                              | 243 |
| §55. Chiều của phản ứng                                        | 247 |
| §56. Phản ứng của nước. Chỉ số hiđro                           | 251 |
| §57. Sự thủy phân                                              | 255 |
| §58. Cơ sở của các quá trình điện hóa                          | 259 |
| §59. Sự điện phân                                              | 270 |
| §60. Sự ăn mòn                                                 | 277 |
| §61. Phản ứng oxi hóa - khử                                    | 281 |
| §62. đương lượng của các chất trong<br>phản ứng oxi hóa - khử. | 319 |
| §63. Thế oxi hóa - khử                                         | 320 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu                              | 328 |
| Những bài toán tự giải                                         | 352 |

## Phần II. HÓA HỌC VÔ CƠ

### Chương VII. Nhóm bảy của hệ thống tuần hoàn các nguyên tố D. I. Mendeleep

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| §64. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm VII | 357 |
| §65. Hiđro                                     | 359 |
| §66. Clo                                       | 363 |
| §67. Brom                                      | 371 |
| §68. Iot                                       | 374 |
| §69. Flo                                       | 376 |

**Chương VIII. Nhóm sáu của hệ thống tuần hoàn các nguyên tố Đ.I. Mendeleep**

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| §71. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm VI. | 384 |
| §72. Oxi                                       | 385 |
| §73. Lưu huỳnh                                 | 391 |
| §74. Crom                                      | 405 |

**Chương IX. Nhóm năm của hệ thống tuần hoàn các nguyên tố Đ. I.Mendeleep**

|                                               |     |
|-----------------------------------------------|-----|
| §75. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm V. | 411 |
| §76. Nitơ                                     | 413 |
| §77. Photpho                                  | 425 |

**Chương X. Nhóm bốn của hệ thống tuần hoàn các nguyên tố Đ.I. Mendeleep**

|                                               |     |
|-----------------------------------------------|-----|
| §78. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm IV | 433 |
| §79. Cacbon                                   | 435 |
| §80. Silic                                    | 445 |
| §81. Thiếc                                    | 451 |
| §82. Chì                                      | 454 |

**Chương XI. Nhóm ba của hệ thống tuần hoàn các nguyên tố Đ.I. Mendeleep**

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| §83. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm III | 458 |
| §84. Nhôm                                      | 461 |

**Chương XII Nhóm hai của hệ thống tuần hoàn  
các nguyên tố Đ.I. Mendeleev**

|                                               |     |
|-----------------------------------------------|-----|
| gth. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm II | 277 |
| gth. Magie                                    | 280 |
| gth. Canxi                                    | 272 |
| gth. Bari                                     | 272 |
| gth. Thủy ngân                                | 273 |

**Chương XIII Nhóm một của hệ thống tuần hoàn  
các nguyên tố Đ.I. Mendeleev**

|                                              |     |
|----------------------------------------------|-----|
| gth. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm I | 282 |
| gth. Natri và kali                           | 282 |
| gth. Đồng                                    | 281 |
| gth. Bạc                                     |     |

**Chương XIV Nhóm tám của hệ thống tuần hoàn  
các nguyên tố Đ.I. Mendeleev**

|                                                 |     |
|-------------------------------------------------|-----|
| gth. Đặc tính chung của các nguyên tố nhóm VIII | 287 |
| gth. Sắt                                        | 288 |
| gth. Kobalt                                     | 288 |

**Chương XV Kim loại**

|                                   |     |
|-----------------------------------|-----|
| gth. Tính chất chung của kim loại | 293 |
| Những ví dụ giải các bài toán mẫu | 298 |
| Những bài toán tự giải            | 292 |

### Phần III. HÓA HỌC HỮU CƠ

#### Chương XVI. Bản chất của các hợp chất hữu cơ, sự phân loại và danh pháp

|                                                                                 |     |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----|
| §98. Đối tượng của hóa học hữu cơ                                               | 583 |
| §99. Thuyết cấu tạo các hợp chất hữu cơ của A.M. Butlerôp. Hiện tượng đồng phân | 586 |
| §100. Bản chất electron của liên kết giữa các nguyên tử trong phân tử hữu cơ    | 595 |
| §101. Sự phân loại các hợp chất hữu cơ.                                         | 599 |
| §102. Danh pháp các hợp chất hữu cơ                                             | 602 |

#### Chương XVII. Hidrocarbon

|                                         |     |
|-----------------------------------------|-----|
| §103. Hidrocarbon no                    | 606 |
| §104. Hidrocarbon không no              | 613 |
| §105. Xicloparafin                      | 645 |
| §106. Hidrocarbon thơm                  | 646 |
| §107. Các nguồn hidrocarbon thiên nhiên | 663 |
| §108. Dẫn xuất halogen của hidrocarbon  | 669 |

#### Chương XVIII. Hợp chất hữu cơ chứa oxi

|                                         |     |
|-----------------------------------------|-----|
| §109. Rượu và phenol                    | 674 |
| §110. Andehit và xeton                  | 689 |
| §111. Axit hữu cơ, hoặc axit cacboxilic | 711 |

#### Chương XIX. Hidrat cacbon

|                                                |     |
|------------------------------------------------|-----|
| §112. Monosaccarit, disaccarit và polisaccarit | 711 |
|------------------------------------------------|-----|

## Chương XX. Hợp chất hữu cơ chứa nitơ

|                                                                           |     |
|---------------------------------------------------------------------------|-----|
| §113. Hợp chất nitro                                                      | 723 |
| §114. Amin, amit của axit, ure, aminoaxit, protein<br>và các axit nucleic | 724 |
| Những ví dụ giải bài toán mẫu                                             | 741 |
| Những bài toán tự giải                                                    | 747 |
| Những bài toán thi tuyển                                                  | 751 |
| Phụ trương                                                                | 762 |
| Mục lục tra cứu                                                           | 779 |